TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 18- 6- 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú
2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký phiên tòa: ông Trần Trung Đức- Thư ký TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Toan- Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 13/2024/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị A, sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn Ngừ, xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: anh Hà Đăng L, sinh năm 1990 (là người khuyết tật)

* Người đại diện hợp pháp cho anh L: ông Hà Đăng L1, sinh năm 1965 (là bố đẻ anh L)

Đều ở địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị A có mặt tại phiên tòa. Anh L và ông L1 đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị A trình bày:

Chị và anh Hà Đăng L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 07/5/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì anh L bị tai nạn lao động liệt tứ chi không còn khả năng lao động và chăm sóc bản thân. Chị đã đi chữa bệnh cùng với anh L nhưng do cuộc sống khó khăn, vất vả nên đến năm 2019 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không có tiếng nói chung. Đến tháng 02/2021 chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh L.

Chị và anh L có 01 con chung là Hà Lê Thúy N, sinh ngày 16/5/2019 hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Hà Đăng L và người đại diện hợp pháp cho anh L là ông Hà Đăng L1 trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh L và ông L1 không ký nhận văn bản và không có ý kiến trình bày gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặc dù được Tòa án giải thích pháp luật nhưng anh L và ông L1 từ chối quyền về người đại diện, quyền mời trợ giúp pháp lý miễn phí và không có ý kiến, yêu cầu Tòa án tuyên bố anh L bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị A được ly hôn anh L; về quan hệ con chung: cần xử giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Lê Thúy N. Anh L không phải góp cấp dưỡng nuôi chung cho chị A; về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị A và anh Hà Đăng L xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì anh L bị tai nạn lao động không còn khả năng lao động và chăm sóc bản thân, từ đó cuộc sống gia đình khó khăn nên đến năm 2019 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Về phía anh L và người đại diện hợp pháp cho anh L đều từ chối tham gia tố tụng và không có ý kiến, yêu cầu gì. Xét mâu thuẫn giữa chị A và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Chị A xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và con chung hiện đang ở với mẹ. Anh L bị tai nạn lao động không có khả năng chăm sóc bản thân và người khác; hiện anh L đang hưởng trợ cấp khuyết tật đặc biệt hàng tháng. Vì vậy, cần giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh L không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không có yêu cầu.

Về quan hệ tài sản: Chị A không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh L và người đại diện hợp pháp cho anh L không có ý kiến, yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lê Thị A được ly hôn anh Hà Đăng L.

2. Về quan hệ con chung: xử giao cho chị Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Lê Thúy N, sinh ngày 16/5/2019. Anh Hà Đăng L không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003646 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND xã Tân Lễ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng